

Số: 115 /QĐ-UBND

Kbang, ngày 31 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v giao chỉ tiêu dự toán thu NSNN năm 2021 cho  
phòng Tài chính-KH, Chi cục thuế huyện và UBND các xã, thị trấn.

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 28/12/2020 của HĐND huyện khóa VII-kỳ họp thứ mười lăm về dự toán ngân sách địa phương và Phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2021;

Theo đề nghị của phòng Tài chính-KH huyện,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu dự toán thu NSNN năm 2021 cho phòng Tài chính-KH, Chi cục thuế huyện và UBND các xã, thị trấn, số tiền 42.030.000 ngàn đồng, cụ thể như sau:

- |   |                 |
|---|-----------------|
| - Phần do phòng Tài chính-KH quản lý, theo dõi thu: | 2.585.000 ngđ.  |
| - Phần do Chi cục thuế huyện quản lý, thu:          | 29.432.000 ngđ. |
| - Phần do các xã, thị trấn phối hợp, thực hiện:     | 10.013.000 ngđ. |

*(Chi tiết có phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Giao trách nhiệm:

- UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu đạt và vượt kế hoạch giao trong năm 2021.

- Chi cục thuế: tổ chức thực hiện thu, phấn đấu thu đạt và vượt dự toán giao, đồng thời phối hợp với UBND các xã, thị trấn hướng dẫn, khai thác các nguồn thu phát sinh trên địa bàn, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu thu NSNN được giao.

- Phòng Tài chính-KH: Theo dõi, trích, nộp các khoản thu do đơn vị quản lý vào ngân sách kịp thời, đảm bảo đúng quy định; đôn đốc các xã, thị trấn triển khai thực hiện thu ngân sách, tổng hợp báo cáo kết quả thu về UBND huyện biết, chỉ đạo.

**Điều 3.** Các Ông (Bà): Chánh văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Tài chính-KH, Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP, VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

PHỤ LỤC

GIÁO CHỈ TIÊU DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 45 /QĐ-UBND ngày 31 /12/2020 của UBND huyện Khang)

Trong đó

S T T	CHI TIÊU	Tổng cộng	Dự toán do phòng TC-KH quản lý	Dự toán do Chi cục thuế quản lý thu	Dự toán thu từ địa phương	Thị trấn	Xã Đông	Nghĩa An	Đăk Hơ	Lơ Ku	Kông Bơ La	Kông Long Khong	Tơ Tung	Sơ Pài	Son Lang	Krong	Đăk Rong	Đăk Smar	Kon Pae
A	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2021	42.030.000	2.585.000	29.432.000	10.013.000	5.731.000	602.000	514.000	285.000	252.000	324.000	325.000	499.000	547.000	496.000	112.000	156.000	96.000	74.000
I	Các khoản thu do Chi cục thuế quản lý	38.530.000	0	29.432.000	9.098.000	5.596.000	535.000	455.000	225.000	144.000	277.000	267.000	421.000	456.000	419.000	76.000	111.000	65.000	51.000
I	Thuế công thương nghiệp NQD	18.950.000	0	14.619.000	4.331.000	3.376.000	207.000	150.000	77.000	14.000	80.000	83.000	80.000	105.000	100.000	10.000	34.000	2.000	13.000
	- Thuế TNDN	760.000		760.000	0														
	- Thuế tài nguyên	1.600.000		1.600.000	0														
	- Thuế GTGT	16.200.000		11.999.000	4.201.000	3.256.000	207.000	150.000	77.000	14.000	80.000	73.000	80.000	105.000	100.000	10.000	34.000	2.000	13.000
	- Thuế TTDB	140.000		10.000	130.000	120.000						10.000							
	- Thu khác NQD	250.000		250.000	0														
2	Thuế TNCN	5.000.000		2.800.000	2.200.000	1.702.000	104.000	80.000	33.000	7.000	40.000	40.000	40.000	80.000	50.000	5.000	12.000	1.000	6.000
3	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	660.000		660.000	0														
4	Thuế nhà đất/ thuế SD đất phi nông nghiệp	50.000		50.000	0														
5	Lệ phí trước bạ	3.400.000		3.400.000	0														
6	Tiền sử dụng đất	7.000.000		5.600.000	1.400.000		120.000	150.000	80.000	100.000	100.000	100.000	200.000	200.000	200.000	40.000	40.000	50.000	20.000
7	Tiền cho thuê đất	770.000		770.000	0														
8	Phí - lệ phí	2.700.000	0	1.533.000	1.167.000	518.000	104.000	75.000	35.000	23.000	57.000	44.000	101.000	71.000	69.000	21.000	25.000	12.000	12.000
-	Phí - lệ phí	2.134.000		1.352.000	782.000	300.000	80.000	55.000	17.000	18.000	36.000	30.000	90.000	50.000	50.000	18.000	20.000	10.000	8.000
-	Thuế môn bài	566.000		181.000	385.000	218.000	24.000	20.000	18.000	5.000	21.000	14.000	11.000	21.000	19.000	3.000	5.000	2.000	4.000
II	Các khoản do Cơ quan Tài chính quản lý thu	3.500.000	2.585.000	0	915.000	135.000	67.000	59.000	60.000	108.000	47.000	58.000	78.000	91.000	77.000	36.000	45.000	31.000	23.000
1	Thu khác Ngân sách và phát các loại	1.550.000	815.000	0	735.000	100.000	55.000	47.000	50.000	90.000	35.000	43.000	65.000	75.000	65.000	30.000	35.000	25.000	20.000
2	Thu phát ATGT	1.950.000	1.770.000	0	180.000	35.000	12.000	12.000	10.000	18.000	12.000	15.000	13.000	16.000	12.000	6.000	10.000	6.000	3.000